

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2024/HSST

Ngày: 09-7- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, **Tp Đà Nẵng** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu L; Tên gọi khác: Lộc U; Sinh ngày: 11/10/1981, tại: **TP .;** Nơi đăng ký thường trú: **tổ F phường T, quận T, TP .;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: LĐPT; Con ông: **Nguyễn B** (đã chết), con bà: **Trần Thị T** (sinh năm: 1954). Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: **Hoàng Thị Ngọc T1** (sinh năm: 1985). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: không
Nhân thân:

+ Ngày 13.7.2004 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội: Cướp giật tài sản. Ra tù ngày 31.8.2007;

+ Ngày 17.6.2017 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xử phạt 30 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Ra tù ngày 27.4.2019;

+ Ngày 26.10.2019 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Ra tù ngày 26.10.2020 và đã chấp hành xong án phí;

Bị cáo bị bắt ngày 19/12/2023, hiện đang bị tạm giam Nhà tạm giữ **Công an thành phố Đ**. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Mai Ngọc L1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 28/4/1980, tại: **TP.**; Nơi ĐKKHKT: **tổ B phường C, quận T, TP.**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông: **Mai Ngọc Q** (đã chết), con bà: **Lương Thị H** (sinh năm: 1957). Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ là **Nguyễn Trương Ngọc H1**, sinh năm: 1981, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm: 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/12/2023 đến ngày 09/01/2024. Hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 65 ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo **Mai Ngọc L1**: Bà **Lương Thị H**, sinh năm: 1957 và Bà **Nguyễn Trương Ngọc H1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **C L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Bà **H** vắng mặt, bà **H1** có mặt

Người bào chữa cho bị cáo **Mai Ngọc L1**: Ông **Võ Văn T2** – Luật sư Văn phòng luật sư **T2** và cộng sự thuộc **Đoàn luật sư thành phố Đ** do **Đoàn luật sư thành phố Đ** cử theo văn bản số 61/2024/ĐLS ngày 21/3/2024. Có mặt

- Bị hại: Ông **Lê Văn T3**, sinh năm 2000; Trú tại: **G đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà **Nguyễn Trương Ngọc H1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **C L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/12/2023, **Nguyễn Hữu L** nhờ **Mai Ngọc L1** chở đi tìm nhà bạn ở **quận S** nhưng không tìm được nên **L** nhờ **L1** chở đến các tiệm tạp hóa vắng người qua lại trên địa bàn **quận S** để **L** đi vào bên trong tìm cách trộm card điện thoại để nạp game, **L1** chở **L** đến 03 tiệm tạp hóa rồi đứng bên ngoài chờ **L** vào bên trong các tiệm tạp hóa đó để trộm cắp Card điện thoại nhưng **L** không trộm được tài sản gì cả; bản thân **L1** lúc này cũng không biết mục đích của **L** là vào các tiệm tạp hóa đó để trộm cắp tài sản mà chỉ làm theo yêu cầu của **L** là chờ bên ngoài các tiệm tạp hóa đó để **L** đi vào bên trong. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi **L1** điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH125i, BKS 43D1-926.03 chở **L** đi qua **quán C** (Địa chỉ: **số B, đường D, phường A, quận S, TP Đà Nẵng**) thì **L** phát hiện anh **Lê Văn T3** (Sinh năm: 2000, trú: 789 **đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**) đang ngồi tại bàn ở trước quán, đang sử dụng điện thoại, trên bàn nơi anh **T3** ngồi có để 01 ví tiền (*Bên trong ví có khoảng 4.000.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân*) thì **L** nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ví của anh **T3** nên **L** nói **L1** dừng xe lại; lúc này **L1** chưa biết mục đích của **L** là vào quán Cà phê để lấy tài sản của anh **T3** nên dừng xe đứng chờ **L**, còn **L** đi bộ về phía chỗ anh **T3** ngồi. Lúc này, anh **T3** đang với người cầm sạc điện thoại di động, **L** chạy đến chụp lấy ví tiền của anh **T3** bỏ chạy thì bị người dân phát hiện tri hô: “Thằng kia lấy ví tiền kia”. **L** chạy ra phía đường **Dương Đình N** nhảy lên xe mô

tô hiệu Honda SH 125i do **L1** đang đứng đợi sẵn và yêu cầu **L** tăng ga tẩu thoát ra hướng đường **N**, anh **T3** chạy bộ đuổi theo khoảng 15 m, sau đó quay lại lấy xe chạy ra hướng đường **N** để đuổi theo nhưng không tìm thấy. Khi **L** vừa giật được chiếc ví của anh **T3** thì **L1** nghe tiếng tri hô ” Lấy tiền kia ” và quay đầu lại nhìn thấy **L** hốt hải chạy ra leo lên xe của **L1** và yêu cầu **L1** chạy thật nhanh nên **L1** biết được **L** vừa chiếm đoạt tài sản của anh **T3** nhưng vẫn điều khiển xe tăng ga bỏ chạy để giúp **L** chiếm đoạt tài sản. Sau khi thoát khỏi sự truy đuổi của người khác, **L** lục ví lấy tiền và nói cho **L1** biết là vừa lấy được 01 cái ví bên trong có 1.800.000 đồng, **L** giữ hết số tiền này và rút cái ví cùng giấy tờ trên đoạn đường **N** (không xác định được địa điểm cụ thể). Sau đó **L1** chở **L** về nhà của **L** và **L1** đi về nhà mình. Số tiền chiếm đoạt được **L** tiêu xài cá nhân hết.

Qua điều tra, anh **T3** khai báo trong ví da ngoài giấy tờ cá nhân thì có số tiền tổng cộng là: 4.000.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu trắng, BKS: 43D1-926.03, số máy JF14E1062926KTFE1, số khung: ZCJF23B0CF150675;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43001474, BKS: 43D1-926.03, chủ xe **Mai Ngọc L1**;
- 01 (Một) điện thoại hiệu Apple iPhone 11 Pro Max, màu đen, đã qua sử dụng
- 01 (Một) mũ bảo hiểm màu vàng;
- 01 (Một) mũ bảo hiểm màu trắng vàng
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu tím.

Về bồi thường dân sự: Ngày 04/01/2024, chị **Nguyễn Trương Ngọc H1** vợ của **Mai Ngọc L1** đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của anh **Lê Văn T3** bao gồm số tiền 4.000.000 đồng và chi phí làm lại các giấy tờ bị mất; anh **T3** đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **Mai Ngọc L1**.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 447 ngày 20/3/2024 của **Trung tâm P** kết luận đối với **Mai Ngọc L1** xác định:

- Thời điểm trước khi gây án:
 - a/ Kết luận về y học: Rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần khác (Methamphetamin) chủ yếu dạng F10.53)
 - b/ Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.
 - Thời điểm trong khi gây án:
 - a/ Kết luận về y học: Rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần khác (Methamphetamin) chủ yếu dạng F10.53)
 - b/ Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.
 - Thời điểm hiện tại:
 - a/ Kết luận về y học: Rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần khác (**M**) chủ yếu dạng F10.53)
- Đối tượng cần được điều trị ngoại trú và cách ly ma túy.

b/ Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số: 66/2024/CT- VKS-ST ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L2** tội “*Cướp giật tài sản*” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L1** phạm tội “*Cướp giật tài sản*” đề nghị:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51, điều 38, điều 58 BLHS xử phạt **Nguyễn Hữu L** từ 2 năm tù đến 2 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điều 58, điều 65 xử phạt **Mai Ngọc L1** từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu tím (không kiểm tra chất lượng bên trong, pin bị phồng); 01 mũ bảo hiểm màu trắng vàng cho **Nguyễn Hữu L**, trả 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 ProMax, màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, bị nứt màn hình, không kiểm tra imel, 01 mũ bảo hiểm màu vàng cho **Mai Ngọc L1**.

- Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i màu trắng, BKS 43D1-926.03, số máy JF14E1062926KTFE1, số khung ZDCJF23B0CF150675 của **Mai Ngọc L1**. Bị cáo **L1** đã sử dụng tài sản này để làm phương tiện phục vụ cho việc phạm tội và xe này đứng tên chủ sở hữu **Mai Ngọc L1**, song trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì bị cáo và bà **H1** (vợ bị cáo) đều xác định đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà **H1** hoàn toàn không biết việc **L1** sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đề nghị HĐXX tịch thu chiếc xe mô tô nói trên để bán đấu giá sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe, trả lại cho bà **Nguyễn Trương Ngọc H1** 1/2 giá trị chiếc xe.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43001474, BKS 43D1- 926.03 đứng tên **Mai Ngọc L1**.

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2024.

Đối với 01 đĩa CD màu vàng chứa dữ liệu camera an ninh ghi nhận sự việc 02 đối tượng thực hiện hành vi cướp giật tài sản và dữ liệu hỏi cung **Mai Ngọc L1** có ghi âm, ghi hình tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án

Bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L1** thừa nhận hành vi phạm tội của mình là *Cướp giật tài sản*, thống nhất việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Người bào chữa cho bị cáo **Mai Ngọc L1** trình bày tranh luận: Thống nhất về tội danh và điều khoản như Viện kiểm sát **quận S** truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khai báo thành khẩn,

bản thân bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi dân sự ảnh hưởng đến tinh thần cũng như hành vi của mình. Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo **L1** được hưởng án treo có cơ hội chữa bệnh.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, xin giảm nhẹ hình phạt, hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an quận S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/12/2023, tại **quán C**, số: 238 **đường D, quận S, thành phố Đà Nẵng**, **Nguyễn Hữu L** đã có hành vi đi bộ đến giật 01 ví da, bên trong có số tiền 4.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân của anh **Lê Văn T3** đang để trên bàn rồi nhanh chóng bỏ chạy ra xe mô tô mang BKS: 43D1-926.03 do **Mai Ngọc L1** đang chờ sẵn để **L1** điều khiển tăng ga tẩu thoát. Hành vi của bị cáo **L, L1** đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác một cách dễ dàng và nhanh nhất nên bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã ngang nhiên giật lấy một ví tiền bên trong có 4.000.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo, nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đây là một trong những khách thể quan trọng luôn được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất ổn định trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò từng bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Trong vụ án này bị cáo **L** với vai trò chính là người khởi sự, trực tiếp thực hiện hành vi Cướp giật tài sản. Bị cáo **L** có nhân thân xấu, từng nhiều lần bị các Tòa án xử về các tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục hành vi phạm tội do đó cần xử lý thật nghiêm. Bị cáo **L1** tham gia với vai trò đồng phạm, mặc dù không biết ý định chờ **L** đi nhằm cướp giật tài sản nhưng sau khi nghe mọi người tri hô và thấy **L** chạy ra thì **L1** đã dùng xe máy do mình điều khiển để giúp **L** tẩu thoát. Do đó mức án dành cho bị cáo **L** phải cao hơn bị cáo **L1** mới thỏa đáng.

Tình tiết tăng nặng: cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi đã gây ra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng đối với bị cáo **L1** nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại 10.000.000 đồng; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo thấy cần thiết cách ly bị cáo **L** ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo **L1** Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, mặt khác hiện tại **L1** vẫn đang điều trị khám chữa bệnh và uống thuốc nên cho bị cáo **L1** được hưởng án treo, không cần thiết xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo chữa bệnh cũng đủ sức răn đe.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với hai bị cáo

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã được bồi thường 10.000.000 đồng, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu vàng của **Mai Ngọc L1**, 01 mũ bảo hiểm màu trắng vàng của **Nguyễn Hữu L**.

- Tuyên trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu tím (không kiểm tra chất lượng bên trong, pin bị phồng) cho **Nguyễn Hữu L**, trả 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 ProMax, màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, bị nứt màn hình, không kiểm tra imel cho **Mai Ngọc L1**

- Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i màu trắng, BKS 43D1-926.03, số máy JF14E1062926KTFE1, số khung ZDCJF23B0CF150675 của **Mai Ngọc L1**. Bị cáo **L1** đã sử dụng tài sản này để làm phương tiện phục vụ cho việc phạm tội và xe này đứng tên chủ sở hữu **Mai Ngọc L1**, song trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì bị cáo và bà **H1** (vợ bị cáo) đều xác định đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà **H1** hoàn toàn không biết việc **L1** sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo do đó cần tịch thu chiếc xe mô tô nói trên để bán đấu

giá sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe, trả lại cho bà **Nguyễn Trương Ngọc H1** 1/2 giá trị chiếc xe.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43001474, BKS 43D1- 926.03 đứng tên **Mai Ngọc L1**.

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2024.

Đối với 01 đĩa CD màu vàng chứa dữ liệu camera an ninh ghi nhận sự việc 02 đối tượng thực hiện hành vi cướp giật tài sản và dữ liệu hỏi cung **Mai Ngọc L1** có ghi âm, ghi hình tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên cũng như người bào chữa tại phiên toà về áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[9] Án phí HSST các bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L1** mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L1** phạm tội "*Cướp giật tài sản*"

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu L** **02 (hai) năm 6 (sáu) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 19/12/2023.

2/ Căn cứ Khoản 1 Điều 171, điểm b, q, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều điều 58, điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/NQ_HĐTP ngày 15/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Bị cáo **Mai Ngọc L1** **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 3 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2/Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu vàng của **Mai Ngọc L1**, 01 mũ bảo hiểm màu trắng vàng của **Nguyễn Hữu L**.

- Tuyên trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu tím (không kiểm tra chất lượng bên trong, pin bị phồng) cho **Nguyễn Hữu L**, trả 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 ProMax, màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, bị nứt màn hình, không kiểm tra imei cho **Mai Ngọc L1**.

- Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i màu trắng, BKS 43D1-926.03, số máy JF14E1062926KTFE1, số khung ZDCJF23B0CF150675 của **Mai Ngọc L1**. Bị cáo **L1** đã sử dụng tài sản này để làm phương tiện phục vụ cho việc phạm tội và xe này đứng tên chủ sở hữu **Mai Ngọc L1**, song trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì bị cáo và bà **H1** (vợ bị cáo) đều xác định đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà **H1** hoàn toàn không biết việc **L1** sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo do đó cần tịch thu chiếc xe mô tô nói trên để bán đấu giá sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe, trả lại cho bà **Nguyễn Trương Ngọc H1** 1/2 giá trị chiếc xe.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43001474, BKS 43D1- 926.03 đứng tên **Mai Ngọc L1**

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2024.

3/Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: các bị cáo **Nguyễn Hữu L**, **Mai Ngọc L1** mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

